

Phạm Huy Thông (1916 – 1988)

Từ khi học cấp 1 tôi đã được nghe các anh chị lớn tuổi trò chuyện về phong trào Thơ Mới với các nhà thơ tài danh Thế Lữ, Xuân Diệu, Huy Cận, Phạm Huy Thông... Tò mò, tôi tìm đọc cuốn Thi Nhân Việt Nam của Hoài Thanh – Hoài Chân, và rất xúc động khi được đọc tận mắt những bài thơ tiêu biểu của các thi sĩ, trong đó có bài “Tiếng Địch Sông Ô” của Phạm Huy Thông. Tôi lại được biết ông đã đỗ bằng Thạc sĩ Lịch sử ở Pháp nên cứ băn khoăn ông làm thế nào mà vừa học giỏi lại vừa làm thơ hay thế. Thế rồi năm học 1953 – 54 lên học lớp Toán sơ cấp (Mathématique élémentaire), tôi lại học cùng lớp với anh Phạm Huy Cường, em ruột ông; về sau mới biết anh Cường là cán bộ Đoàn Học sinh Kháng chiến bí mật, ở lại trường để lãnh đạo phong trào. Khoảng năm 1960, đến chơi nhà ở phố hàng Bạc, thỉnh thoảng được gặp ông cùng bà vợ người Pháp gốc. Gặp ông mới thấy ông rất giống anh Cường, cũng vóc người thấp nhỏ, cũng khuôn mặt gầy gò góc cạnh, cũng nụ cười hiền lành, dễ mến; song điều làm tôi chú ý nhất là đôi mắt tinh anh lấp lánh đằng sau cặp kính cận dày cộp.

Phạm Huy Thông quê gốc làng Đào Xá, thuộc huyện Ân Thi tỉnh Hưng Yên, là hậu duệ đời thứ 48 của cụ Thủy tổ Phạm Tu, hậu duệ đời thứ 24 của danh tướng Phạm Ngũ Lão đời Trần. Ông sinh ngày 21 – 11 – 1916 tại phố Hàng Bạc trong một gia đình giàu có, kinh doanh vàng bạc có tiếng ở Hà Nội, gia đình Chấn Hưng với ngôi nhà lớn, cao tầng, quét vôi màu đỏ sẫm rất đặc trưng. Ông theo học trường An-be Sa-rô, học giỏi có tiếng, thạo tiếng Pháp song lại ham thích thơ văn Việt Nam, **năm 16 tuổi đã nổi tiếng trong phong trào Thơ Mới với các bài Tiếng địch sông Ô**, Về học tập, trong cuốn Palmarès năm học 1933 - 34, lớp Triết học (classe de Philosophie) có ghi rõ: Phạm Huy Thông: Prix de l'École française d'Extrême Orient (Giải thưởng của Viện Viễn đông Bác cổ), Médaille de bronze offerte par l'Alliance Française (Huy chương đồng do tổ chức Alliance Française tặng), 1^{er} Accessit d'Histoire (Giải khuyến khích thứ nhất môn Lịch sử). Năm học này ông còn được chọn cử tham gia kỳ thi chung với học sinh các trường trung học toàn khối Liên Hiệp Pháp (Concours général) về môn Lịch sử và cũng đã đoạt giải. Tốt nghiệp trung học, ông theo học Luật ở Viện Đại học Đông dương và năm 1937, ở tuổi 21, ông đỗ Cử nhân luật, sau đó **sang Pháp du học**; năm 1942, ở tuổi 26, đỗ Tiến sĩ Luật, rồi Thạc sĩ Sử - Địa. Năm 31 tuổi (1947) được phong giáo sư và giữ chức Ủy viên Hội đồng Giáo dục tối cao Pháp.

Tuy được chính phủ Pháp trọng dụng, ông vẫn không quên đất nước, rất vui mừng phấn khởi khi Cách Mạng Tháng Tám thành công và tích cực hoạt động trong phong trào Việt kiều yêu nước; năm 1946 được chọn giúp việc cho chủ tịch Hồ Chí Minh và phái đoàn Việt Nam ở hội nghị Fontainebleau. **Năm 1949, vào Đảng Cộng Sản Pháp, năm 1953 vào Đảng Lao Động Việt Nam. Từ năm 1952 được cử phụ trách phong trào Việt kiều ở Pháp cùng ông Nguyễn Khắc Viện.** Ông hoạt động rất hăng hái, được bà con Việt kiều rất tin nhiệm nên bị nhà cầm quyền Pháp trục xuất, đưa về Sài-gòn, đầu năm 1955 lại bị đưa ra Hải Phòng quản thúc rồi được trao trả cho chính phủ ta. Từ lúc này ông liên tục được cử giữ những trọng trách cho đến lúc qua đời:

1956 – 66: làm hiệu trưởng trường ĐH Sư Phạm Hà Nội

1967 – 88: làm viện trưởng Viện Khảo cổ, Phó chủ nhiệm Ủy ban Khoa học Xã hội và Nhân văn, được bầu làm đại biểu Quốc hội liên tục 2 khóa, khóa 2 và khóa 3.

Năm 1987, được bầu làm Viện sĩ thông tấn Viện Hàn lâm Khoa học nước Cộng hòa Dân chủ Đức.

Ở bất kỳ cương vị công tác nào ông cũng năng nổ làm việc, **tổ ra là một nhà tổ chức, một nhà lãnh đạo có tài, đầy tâm huyết**; ví dụ như khi ở Viện Khảo cổ ông đã đề ra và lãnh

đạo toàn viện nghiên cứu thành công nhiều đề tài có giá trị, như: Thời đại các Vua Hùng dựng nước, Khảo cổ học 10 thế kỷ sau Công nguyên, Khảo cổ học với văn minh thời Trần...

Khi còn ở Pháp ông đã kết duyên với một phụ nữ gốc Pháp, có được 2 con, một trai một gái, một trong 2 cháu mang tên Việt là Hải Đường; vợ con ông đã từng theo ông về sống ở Hà Nội một thời gian, về sau không rõ vì sao lại trở về Pháp sinh sống, để ông ở lại Hà Nội một mình trong căn biệt thự cũ ở phố Hồ Xuân Hương mà ông được nhà nước phân cho.

Đột nhiên ngày 21 – 6 – 1988, người ta phát hiện ông đã bị sát hại tại căn biệt thự cũ; vụ án mạng này cho đến nay vẫn ở trong vòng bí mật, chưa rõ hung thủ là ai và vì sao lại sát hại ông. Thi hài ông được an táng ở nghĩa trang Mai Dịch.

Năm 1996, nhân dịp kỷ niệm 80 năm ngày sinh của ông, Trung tâm Xã hội và Nhân văn Quốc gia đã tổ chức một cuộc Hội thảo về cuộc đời và sự nghiệp của ông.

Năm 2000 ông được truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh cho cụm công trình nghiên cứu khảo cổ (Con Moong, trống đồng Đông Sơn, 4 bài dẫn liệu về thời kỳ Hùng Vương).

Năm 2003, nhân kỷ niệm 15 năm ngày ông qua đời, trường ĐHSP Hà Nội đã làm lễ khánh thành tượng đài ông tại Trung tâm thư viện nhà trường.. Và thành phố Hà Nội cũng không quên ông, đã **lấy tên ông đặt cho con đường chạy vòng quanh hồ Ngọc Khánh**, để người dân mỗi lần đi qua đây, nhìn thấy biển gắn tên phố, lại nhớ đến một con người tài học xuất sắc, một thi sĩ nổi tiếng trong phong trào Thơ Mới, có lòng yêu nước nồng nàn, đã có nhiều cống hiến cho sự nghiệp giải phóng và xây dựng quê hương đất nước.

Khởi thảo: 18 – 10 – 2012

Hoàn thành: 23 – 10 – 2012

Nguyễn Minh Vũ